

Bản án số: **28/2020/DSST**
Ngày: 21-8-2020
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Võ Thành Bê

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Quĩ Tín dụng nhân dân T11. Địa chỉ: khu phố 3, T11, huyện An Minh, Kiên Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L-ĐD, Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị QTD nhân dân T11. Có mặt.

2- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn BĐ1, sinh năm 1950 (có mặt) và bà Nguyễn Bé BĐ2, sinh năm 1956 (vắng mặt). Địa chỉ: ấp KQ B, xã VK, An Minh, Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Phương LS, Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử; có mặt.

3- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Văn NLQ1, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp VX, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang; vắng mặt.

- Anh Trần Công NLQ2, sinh năm 1969. Cư trú: kp 2, T11, huyện An Minh, Kiên Giang. Hiện là Trưởng Ban kiểm soát Quỹ tín dụng nhân dân T11, huyện An Minh. Có mặt..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28-6-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân T11 trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 31-7-2017 ông BĐ1 và vợ là bà Bé BĐ2 vay của Quỹ tín dụng nhân dân T11 số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 301/2017. Lãi suất 1,084%/tháng, lãi quá hạn 1,626%/tháng; thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn hợp đồng là 31-7-2018. Khi vay ông BĐ1, bà BĐ2 thế chấp phần đất có diện tích 27.648,4m² gồm đất ở, đất vườn, đất trồng lúa tại ấp KQ B, xã VK theo Giấy chứng nhận QSD đất do UBND huyện An Minh cấp ngày 01-3-2002.

Sau khi vay ông BĐ1, bà BĐ2 trả nợ gốc được 30.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 12-3-2018.

Quỹ tín dụng nhân dân T11 khởi kiện yêu cầu ông BĐ1, bà BĐ2 trả tổng số 578.519.000 đồng (bao gồm nợ gốc 470.000.000 đồng, lãi đến ngày 28-6-2019 là 108.519.00 đồng) và tiền lãi phát sinh trong hợp đồng. Nếu không trả được tiền đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn văn BĐ1 trình bày: Ông BĐ1 xác định không có vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân T11. Năm 2017 Nguyễn Văn NLQ1 là con ông BĐ1 có mượn Giấy chứng nhận QSD đất của ông để thế chấp vay tiền tại Quỹ tín dụng nhưng ông không rõ bao nhiêu, khi vay NLQ1 có nói sẽ trả lương hàng tháng. Sau đó NLQ1 trả được vài tháng thì nghỉ việc tại Quỹ tín dụng và nợ tiền vay tại Quỹ tín dụng.

Ông BĐ1 thừa nhận ông có ký hồ sơ vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân T11 nhưng là ký tại nhà của ông BĐ1 do NLQ1 và NLQ2 (cán bộ Quỹ tín dụng) mang về cho ông ký. Khi ký tên ông không có đọc lại hồ sơ nên không biết nội dung và số tiền là bao nhiêu.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng, ông BĐ1 không đồng ý trả tiền vì NLQ1 là người trực tiếp vay tiền thì NLQ1 trả chứ không phải là ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn NLQ1 vắng mặt,

không hợp tác nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Công NLQ2 trình bày:
Trước đây anh Nguyễn Văn NLQ1 có làm chung với anh NLQ2 tại Quỹ tín dụng nhân dân T11. Vào khoảng thời gian tháng 7 năm 2017, NLQ1 thiếu nợ nhiều người mà chưa có nguồn trả nên NLQ1 mới lập thủ tục vay tiền tại Quỹ tín dụng. Do NLQ1 không có tài sản gì để thế chấp vay nên NLQ1 đã nhờ cha ruột là ông Nguyễn Văn BĐ1 đứng ra thế chấp vay tiền tại Quỹ tín dụng. Số tiền lập hồ sơ vay gốc là 500.000.000đ; vay thế chấp QSD đất của ông BĐ1. Toàn bộ hồ sơ vay Cán bộ tín dụng và NLQ1 lập sẵn, sau đó NLQ1 đem cho cha ruột là ông BĐ1 và mẹ ruột là bà BĐ2 ký tên trên toàn bộ hồ sơ vay. Sau khi hoàn thành hồ sơ thì NLQ1 nhận số tiền vay. Vợ chồng ông BĐ1 là người trực tiếp ký vào hồ sơ vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân T11. Ông BĐ1 vay nhưng để cho NLQ1 (là con ruột ông BĐ1) nhận số tiền này để NLQ1 trang trải nợ của NLQ1. Lý do anh NLQ2 đi cùng NLQ1 qua nhà ông BĐ1 là để hỗ trợ cho NLQ1; trước khi cho ông BĐ1 vay anh NLQ2 có giải thích rõ cho ông BĐ1, bà BĐ2 biết về việc vay tiền và hậu quả nếu không trả tiền vay. Đến tháng 3-2018 thì NLQ1 nghỉ làm tại Quỹ tín dụng nhân dân T11.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 470.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn (không tính lãi quá hạn) đến ngày 21-8-2020 là 151.485.000 đồng, tổng cộng là 621.485.000 đồng; nếu không trả được nợ đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

Bị đơn ông BĐ1 thừa nhận hồ sơ vay do ông ký tên nhưng người nhận tiền là NLQ1 (con trai ông); đề nghị xem xét theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư LS trình bày: Căn cứ theo hồ sơ vay thì đề nghị xử lý theo quy định. Tuy nhiên, cần xem xét ông BĐ1 đang gặp khó khăn; không trực tiếp sử dụng tiền vay nên đề nghị phía nguyên đơn có cách giảm tiền lãi, giãn nợ và tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn, bị đơn ông BĐ1 thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn bà BĐ2, người liên quan anh NLQ1 vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho Quỹ tín dụng số tiền vay còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn với bị đơn thiết lập hợp đồng tín dụng. Sau khi vay bị đơn không trả đủ tiền nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay. Do đó, đây là tranh chấp về dân sự và quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

[2] Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà BD2, anh NLQ1 đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà BD2, anh NLQ1 vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[3] Về nội dung: Quỹ tín dụng nhân dân T11 và ông Nguyễn Văn BD1, bà Nguyễn Bé BD2 đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo hợp đồng tín dụng số 301/2017/HĐTD ngày 31-7-2017 và Giấy nhận nợ cùng ngày. Theo hợp đồng, bên Quỹ tín dụng nhân dân T11 cho ông BD1, bà BD2 vay số tiền gốc 500.000.000 đồng; Lãi suất 1,084%/tháng, lãi quá hạn 1,626%/tháng; thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn hợp đồng là 31-7-2018; mục đích vay đầu tư nuôi tôm cua. Khi vay ông BD1, bà BD2 thế chấp phần đất có diện tích 27.648,4m² gồm đất ở, đất vườn, đất trồng lúa tại ấp KQ B, xã VK theo Giấy chứng nhận QSD đất do UBND huyện An Minh cấp ngày 01-3-2002 cho ông Nguyễn Văn BD1 đứng tên. Ông BD1 thừa nhận có ký hợp đồng vay nhưng là do con ông Nguyễn Văn NLQ1 mượn QSD đất của ông để vay tiền và nhận tiền. Do đó ông BD1 không đồng ý trả tiền.

[4] Hồ sơ vay tiền thể hiện ông BD1, bà BD2 là người ký tên các hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp và giấy nhận nợ. Đồng thời sau khi nợ quá hạn thì ông BD1 bà BD2 đã ký Giấy cam kết trả nợ ngày 14-8-2018 và Biên bản xử lý nợ vay quá hạn lập ngày 20-8-2018. Do đó, mặc dù số tiền vay ông BD1 không trực tiếp sử dụng mà cho con là NLQ1 sử dụng (như ông trình bày) thì cũng không loại trừ trách nhiệm trả nợ của ông BD1, bà BD2. Bởi lẽ, việc chuyển

giao nghĩa vụ (như ông BĐ1 yêu cầu từ ông sang NLQ1) phải được sự đồng ý của bên có quyền, trong khi phía Quỹ tín dụng không thống nhất, anh NLQ1 thì không thể hiện ý kiến; nợ của ông BĐ1 là nợ có đảm bảo nếu chuyển qua anh NLQ1 thành nợ không có đảm bảo sẽ bất lợi cho bên cho vay. Mặt khác, việc ông BĐ1 cho anh NLQ1 sử dụng tiền vay là quan hệ giữa ông BĐ1 với anh NLQ1, không phải là căn cứ phát sinh nghĩa vụ của anh NLQ1 với Quỹ tín dụng. Do đó, ông BĐ1 nài ra số tiền vay được anh NLQ1 sử dụng thì anh NLQ1 trả, ông không trả là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Như vậy, bên vay là ông BĐ1, bà BĐ2 có trách nhiệm trả gốc và lãi nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ là vi phạm thỏa thuận tại Điều 7 Hợp đồng tín dụng đã ký kết và quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông BĐ1, bà BĐ2 trả toàn bộ số tiền gốc và lãi là có căn cứ. Tiền lãi được tính đúng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật (nguyên đơn chỉ tính lãi trong hạn, không yêu cầu lãi quá hạn) nên được chấp nhận. HĐXX buộc ông BĐ1, bà BĐ2 trả cho Quỹ tín dụng tổng số tiền đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21-8-2020) là 621.485.000 đồng (trong đó gốc 470.000.000 đồng, lãi trong hạn đến ngày 21-8-2020 là 151.485.000 đồng).

[6] Khi vay ông BĐ1, bà BĐ2 thế chấp phần đất có diện tích 27.648,4m² gồm đất ở, đất vườn, đất trồng lúa tại ấp KQ B, xã VK theo Giấy chứng nhận QSD đất do UBND huyện An Minh cấp ngày 01-3-2002 cho ông Nguyễn Văn BĐ1 đứng tên để bảo đảm tiền vay theo Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 301/2017/HĐTC. Hợp đồng được lập đúng quy định và có đăng ký thế chấp nên là hợp đồng hợp pháp. Tài sản thế chấp không phát sinh liên quan với người thứ ba. Do đó, nếu ông BĐ1, bà BĐ2 không trả nợ thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phù hợp.

[7] Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL công bố theo quyết định số 698/QĐ - CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi chậm trả.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Bị đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên HĐXX chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 Bộ luật Dân sự ; khoản 2 Điều 91 và Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn BĐ1, bà Nguyễn Bé BĐ2 trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T11 tổng số tiền là 621.485.000 đồng (trong đó gốc 470.000.000 đồng, lãi trong hạn đến ngày 21-8-2020 là 151.485.000 đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông BĐ1, bà BĐ2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

2. Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông BĐ1, bà BĐ2 trả nợ xong bao gồm cả khoản nợ gốc và lãi thì Quỹ tín dụng nhân dân T11 phải giải chấp, trả cho ông BĐ1, bà BĐ2 Giấy chứng nhận QSD đất số T 810006, sổ vào sổ cấp giấy G000245 QSDĐ do UBND huyện An Minh cấp ngày 01-3-2002 cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn BĐ1.

3. Nếu ông BĐ1, bà BĐ2 không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì Quỹ tín dụng nhân dân T11 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp là QSD đất có diện tích 27.648,4m² gồm đất ở, đất vườn, đất trồng lúa tại các thửa số 177, 199, tờ bản đồ số 06 tại ấp KQ B, xã VK, huyện An Minh, Kiên Giang theo Giấy chứng nhận QSD đất số T 810006, sổ vào sổ cấp giấy G000245 QSDĐ do UBND huyện An Minh cấp ngày 01-3-2002 cho hộ ông (bà) Nguyễn Văn BĐ1 để đảm bảo thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T11 số tiền tạm ứng án phí 13.570.380 đồng đã nộp tại biên lai số 0006490 ngày 13-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 21-8-2002); đương sự vắng mặt tại phiên tòa (bà BĐ2, anh NLQ1) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công